|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH BẮC KẠN**BCĐ VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ**Số: /BC-BCĐ***(Dự thảo)*** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Bắc Kạn, ngày tháng 3 năm 2024* |

**BÁO CÁO**

**Kết quả hoạt động của Ban chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh Quý I**

**và phương hướng, nhiệm vụ Quý II năm 2024**

**I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH BẮC KẠN**

**1. Về công tác chỉ đạo, điều hành, thể chế số**

Trên cơ sở định hướng chỉ đạo, hướng dẫn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông, các Bộ, ngành Trung ương và chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh đã đề xuất, tham mưu UBND tỉnh Bắc Kạn:

-Trình Ban cán sự đảng UBND tỉnh ban hành Công văn số 16-CV/BCSĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024 về việc đề xuất triển khai các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số mới năm 2024 (lần 2).

- Ban hành các văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số, phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh gồm:

+ Kế hoạch số 833/KH-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2023 về Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn năm 2024.

+ Quyết định số 293/QD-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2024 về việc kiện toàn và đổi tên Đội Ứng cứu sự cố mạng, máy tỉnh tỉnh Bắc Kạn.

+ Quyết định số 383/QD-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2024 về việc ban hành Danh mục nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số mới năm 2024.

+ Tờ trình số 26/TTr-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết phân bổ và giao dự toán kinh phí sự nghiệp cho các đơn vị, địa phương thực hiện nhiệm vụ năm 2024 (bổ sung lần 1) (bao gồm kinh phí bổ sung cho 09 nhiệm vụ chuyển đổi số mới năm 2024).

+ Công văn số 846/UBND-VXNV ngày 02 tháng 02 năm 2024 về việc phổ biến triển khai Bộ chỉ số dánh giá mức độ Chuyển đổi số doanh nghiệp.

+ Công văn số 1495/UBND-VXNV ngày 11/3/2024 về tuân thủ quy định pháp luật và tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

+ Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 14/3/2024 của UBND tỉnh về việc ban hành danh mục nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số mới năm 2024.

**2. Hạ tầng số**

***2.1. Kết quả đạt được***

Mạng lưới viễn thông của tỉnh được duy trì kết nối thông suốt 3 cấp: 100% xã, phường, thị trấn được phủ sóng di động 2G/3G/4G; quang hóa 100% hạ tầng đường truyền tới các cơ quan, đơn vị, địa phương; 100% cơ quan, đơn vị, địa phương được kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng và được chuẩn hóa kết nối giám sát 4 cấp hành chính.

Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh Bắc Kạn được duy trì hoạt động ổn định, hiện tại, Sở Thông tin và Truyền thông tiếp tục triển khai dự án Dự án Đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống thông tin nền tảng phục vụ chính quyền điện tử tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025. Theo đó, trong Quý I/2024 đối với hạng mục nâng cấp, mở rộng hệ thống hạ tầng tầng kỹ thuật sẽ hoàn thành triển khai lắp đặt các trang thiết bị và hạ tầng kỹ thuật tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu để đưa vào sử dụng; đối với hạng mục Xây dựng Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) sẽ tổ chức kết nối thử nghiệm với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia và các bộ ngành với hệ thống thông tin của tỉnh. Sau khi hoàn thành kết nối thử nghiệm sẽ thực hiện kết nối chính thức theo quy định.

***2.2. Tồn tại, hạn chế, vướng mắc***

Tỉnh Bắc Kạn hiện còn 42 thôn, bản chưa phủ sóng thông tin di động; việc bố trí kinh phí dành cho đầu tư, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin còn hạn chế, quy mô triển khai còn nhỏ lẻ.

**3. Nhân lực số**

***3.1. Kết quả đạt được***

Tỉnh đã triển khai khoá bồi dưỡng chuyển đổi số cho 203 học viên thuộc đối tượng Ban Chỉ đạo chuyển đổi số, cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước theo Công văn số 6106/BTTTT-CĐSQG ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về triển khai các khóa bồi dưỡng về chuyển đổi số trên nền tảng MOOCs do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức.

***3.2. Tồn tại, hạn chế, vướng mắc***

Tỷ lệ học viên đã hoàn thành khoá học trên nền tảng MOOCs còn thấp (29/203 học viên).

Nguồn nhân lực phụ trách Chuyển đổi số tại một số cơ quan cấp huyện, cấp xã còn thiếu và yếu.

**4. Nền tảng, dữ liệu số**

***4.1. Kết quả đạt được***

Tỉnh Bắc Kạn đang tiếp tục duy trì sử dụng Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) do Bộ Thông tin và Truyền thông hỗ trợ. Trong Quý I/2024, tỉnh tiếp tục duy trì kết nối 14 dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP).

***4.2. Tồn tại, hạn chế, vướng mắc***

Tỉnh chưa hoàn thành việc xây dựng riêng Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP), do đó, chưa thúc đẩy được việc kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, CSDL do tỉnh triển khai xây dựng.

Còn 07 dịch vụ đã được các bộ ngành cung cấp trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) nhưng tỉnh chưa thực hiện kết nối đến Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh[[1]](#footnote-1) .

**5. An toàn, an ninh mạng**

Tỉnh đã kiện toàn, đổi tên Đội ứng cứu sự cố mạng, máy tính của tỉnh thành Đội Ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng và tổ chức đội theo mô hình mới theo hướng đẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Phối hợp với Công ty BKAV hoàn thành việc cài đặt phần mềm phòng chống mã độc BKAV ENDPOINT. Đến nay, đã cài đặt phần mềm phòng chống mã độc cho 3.407 máy tính; từ ngày 25/12/2023 đến 05/03/2024, Bkav Endpoint đã phát hiện và xử lý 1.579 mã độc trên 1.217 máy tính, phát hiện 2.163 máy tính có lỗ hổng phần mềm. Qua đó góp phần đảm bảo an toàn thông tin cho các thiết bị, hệ thống thông tin.

**6. Chính phủ số**

***6.1. Kết quả đạt được***

- Các hệ thống phần mềm dùng chung, hệ thống thông tin, CSDL chuyên ngành tiếp tục được duy trì sử dụng.

- Tỉnh đã phê duyệt và cấp kinh phí triển khai 25 nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số chuyển tiếp từ năm 2023. Hiện tại, các đơn vị dược giao chủ trì đang tổ chức triển khai các nhiệm vụ theo quy định.

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh được duy trì sử dụng. Theo số liệu trên hệ thống: Từ đầu năm 2024 đến ngày 11/3/2024, hệ thống đã tiếp nhận, xử lý 27.568 hồ sơ. Tỷ lệ cung cấp DVCTT toàn trình trên số TTHC đủ điều kiện đạt 100% (1.013/1.013); Tỷ lệ cung cấp DVCTT toàn trình trên tổng số TTHC đạt: 54,4% (1.013/1.861); Tỷ lệ cung cấp DVCTT toàn trình trên tổng số DVCTT đạt: 85,8% (1.013/1.181), tăng 4,9% so với năm 2023.

Tỷ lệ hồ sơ phát sinh trực tuyến trên tổng số hồ sơ phát sinh của các DVCTT đạt: 79,7% (19.625/24.628), giảm 5,4% so với năm 2023.

Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được cung cấp trên Cổng DVCQG đạt 33,24% (242/728); Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến qua cổng DVCQG đạt 14,36% (1.571/10.941), tăng 9,68% so với năm 2023.

Các trang, cổng TTĐT của tỉnh và các cơ quan chuyên môn cùng với các trang TTĐT chuyên ngành về cải cách hành chính, du lịch, chuyển đổi số, … được duy trì sử dụng. Trong quý I/2024, Cổng TTĐT tỉnh đăng tải 990 tin, bài phản ảnh các hoạt động nổi bật trong và ngoài tỉnh; chuyên trang chuyển đổi số của tỉnh đăng tải 64 tin bài về công tác chuyển đổi số của tỉnh.

***6.2. Tồn tại, hạn chế, vướng mắc***

Việc kết nối, chia sẻ và đưa vào khai thác sử dụng các dịch vụ chia sẻ dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin có phạm vi từ Trung ương đến địa phương còn chậm, chưa khai thác sử dụng một cách đồng bộ, hiệu quả. Các hệ thống thông tin, CSDL của tỉnh cũng chưa được kết nối với nhau nhằm tạo thuận lợi cho người dùng trong việc chia sẻ, sử dụng lại thông tin, giảm bớt thao tác cho cán bộ, công chức, viên chức.

Theo thống kê trên cổng dịch vụ công quốc gia, tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được cung cấp trên cổng DVCQG, tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến qua cổng DVCQG còn thấp so với tỷ lệ trung bình của cả nước *(tỷ lệ thanh toán trực tuyến trung bình của cả nước đạt 39,16%, tỉnh đạt 14,36%).*

Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh còn thường xảy ra lỗi trong quá trình sử dụng, đặc biệt là vấn đề đồng bộ dữ liệu từ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh với hệ thống cổng dịch vụ công quốc gia và hệ thống giám sát EMC của Bộ Thông tin và Truyền thông chậm được khắc phục.

**7. Kinh tế số, Xã hội số**

***7.1. Kết quả đạt được***

- Về việc thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt:

Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Kạn đã hướng dẫn cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh thanh toán học phí bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt, đến nay có **121/282** cơ sở giáo dục, **đạt 42,9 %**, tăng 37 cơ sở (12,3%) so với năm 2023.

Tính đến ngày 15/02/2024, trên địa bàn toàn tỉnh có 20.824 đối tượng an sinh xã hội, trong đó, đã rà soát: 19.616/20.824 đối tượng, đạt 94,2%; đã có tài khoản: 559/20.824 đối tượng, đạt 2,69%; Số đối tượng được chi trả qua tài khoản: 249/559 đối tượng, đạt 44,5%, với tổng số tiền chi trả là: 520.001.000đ.

Kết quả thực hiện chi lương hưu và trợ cấp BHXH hàng tháng qua tài khoản cá nhân: 3.094/11.066 trường hợp (đạt tỷ lệ 27,96%); 73/82 trường hợp hưởng chế độ BHXH một lần (đạt tỷ lệ 89%) và tỷ lệ người hưởng trợ cấp thất nghiệp qua tài khoản cá nhân đạt 100%. Tuyên truyền, vận động người tham gia BHXH, BHYT cài đặt, sử dụng ứng dụng BHXH số VssID trên địa bàn tỉnh, đến thời điểm báo cáo đạt 68.285 người dân đăng ký, sử dụng VssID.

- UBND tỉnh đã ban hành văn bản số 846/UBND-VXNV ngày 02/02/2024 phổ biến triển khai Bộ chỉ số đánh giá mức độ Chuyển đổi số doanh nghiệp, trong đó, chỉ đạo các đơn vị, địa phương thúc đẩy các hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ các doanh nghiệp của tỉnh tham gia đánh giá mức độ chuyển đổi số trên Cổng DBI của Bộ Thông tin và Truyền thông và Cổng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, từ đó, có định hướng và lộ trình triển khai chuyển đổi số tại đơn vị.

- Các địa phương đã quan tâm chỉ đạo hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng. Tích cực triển khai công tác thông tin, tuyên truyền nói chung, tuyên truyền về chuyển đổi số nói riêng trên hệ thống truyền thanh cơ sở của địa phương.

***7.2. Tồn tại, hạn chế, vướng mắc***

Kỹ năng số của người dân, nhất là người dân sinh sống ở khu vực vùng sâu, vùng xa còn hạn chế; số lượng người dùng các nền tảng số phục vụ đào tạo, học tập trực tuyến còn thấp; người dân chưa thực sự quan tâm đến việc tự đảm bảo an toàn thông tin trên môi trường mạng.

Hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng cấp xã, thôn chưa hiệu quả;

Hoạt động kinh tế số của tỉnh chưa đa dạng.

*(Có phụ lục Kết quả thực hiện các chỉ tiêu Chuyển đổi số trong quý I/2024 ban hành kèm theo)*

**II. ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM QUÝ II/2024**

Trên cơ sở tình hình triển khai hoạt động chuyển đổi số của tỉnh, Ban Chỉ đạo đề xuất định hướng các nhiệm vụ trọng tâm trong chuyển đổi số của tỉnh trong Quý II/2024 như sau:

1. Triển khai Quyết định số 142/QĐ-TTG ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược dư liệu quốc gia đến năm 2030 sau khi Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành văn bản hướng dẫn các địa phương; xây dựng Quy định về trình tự, trách nhiệm lập, thẩm định, trình phê duyệt dự án đầu tư, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh . Triển khai cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh, phiên bản 3.0; xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động tuyên truyền, hưởng ứng ngày chuyển đổi số năm 2024.

2. Thúc đẩy việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trên địa bàn tỉnh và triển khai nhiệm vụ về cung cấp dữ liệu mở tỉnh Bắc Kạn song với nhiệm vụ triển khai nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP): Các sở, ban,ngành rà soát các hệ thống thông tin, CSDL đã triển khai, cung cấp các tài liệu kết nối và phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện kết nối thử nghiệm các hệ thống đến LGSP của tỉnh.

Tập trung khẩn trương hoàn thiện hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đáp ứng yêu cầu của người sử dụng và khắc phục triệt để tình trạng lỗi, nhất là trong việc kết nối, đồng bộ dữ liệu với hệ thống cổng dịch vụ công quốc gia và hệ thống giám sát EMC của Bộ Thông tin và Truyền thông; hoàn thành kết nối đến các dịch vụ đã được cung trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) để nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết TTHC của các đơn vị.

3. Các đơn vị, địa phương đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong khai thác sử dụng các dịch vụ số; chỉ đạo cán bộ, công chức đã được cấp tài khoản tham gia hoàn thành các khoá học trên nền tảng MOOCs đạt chất lượng *(hoàn thành xong trước ngày 30/6/2024 theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông).* Các huyện, thành phố tiếp tục quan tâm, chỉ đạo hoạt động của tổ công nghệ số cộng đồng, trong đó chú trọng định hướng các Tổ CNSCĐ việc hướng dẫn người dân sử dụng thành thạo các dịch vụ số cơ bản của cơ quan nhà nước, hướng dẫn thanh toán không dùng tiền mặt, đảm bảo an toàn thông tin mạng.

4. Về an toàn, an ninh mạng: Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa khẩn trương thực hiện nội dung chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 1495/UBND-VXNV ngày 11/3/2024 về tuân thủ quy định pháp luật và tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ theo Chỉ thị số 09/CT-TTg.

5. Các cơ quan, đơn vị tập trung triển khai các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số năm 2024, định kỳ báo cáo tiến độ thực hiện hàng quý (trước ngày 20 của tháng cuối quý) gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

6. Về kinh tế số, xã hội số:

Thúc đẩy có hiệu quả các hoạt động tư vấn, hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp vừa và nhỏ; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận và tham gia các sàn thương mại điện tử.

Các huyện, thành phố xem xét, lựa chọn, nhân rộng triển khai xã thí điểm chuyển đổi số trong phạm vi phù hợp. Các sở, ban, ngành hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương triển khai các nội dung chuyển đổi số phù hợp, theo định hướng cửa ngành.

7. Ban Chỉ đạo chuyển đổi số các huyện, thành phố tăng cường hoạt động, chủ động rà soát, củng cố hoạt động của Ban Chỉ đạo; tích cực tham mưu triển khai các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số tại địa phương phù hợp với điều kiện thực tế, phát huy hiệu quả.

8. Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện tốt hơn nữa vai trò của đơn vị chuyên trách chuyển đổi số của tỉnh, cơ quan thường trực Ban chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh. Tập trung tham mưu các nội dung:

- Triển khai việc kết nối chia sẻ dữ liệu, cung cấp dữ liệu mở trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng Quy định về trình tự, trách nhiệm lập, thẩm định, trình phê duyệt dự án đầu tư, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh. Tham mưu UBDN tỉnh triển khai Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh, phiên bản 3.0.

- Chỉ đạo đơn vị cung cấp hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh hoàn thiện hệ thống đáp ứng yêu cầu của người sử dụng và khắc phục triệt để tình trạng chưa chuẩn xác trong việc kết nối, đồng bộ dữ liệu với hệ thống cổng dịch vụ công quốc gia và hệ thống giám sát EMC của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Theo dõi, hỗ trợ, đôn đốc các đơn vị trong triển khai các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số; tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo thống nhất việc thực hiện thẩm tra các hồ sơ nhiệm vụ/dự án chuyển đổi số trong quá trình thẩm định (nếu cần thiết) để đẩy nhanh tiến độ thẩm định các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số của tỉnh.

- Phối hợp với các đơn vị, địa phương triển khai đồng bộ các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, bảo đảm đạt được hiệu quả truyền thông cho từng nhóm đối tượng. Đồng thời chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí của tỉnh đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho người dân, nhất là nhóm đối tượng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa để qua đó cùng với hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng phổ cập kỹ năng số cho người dân theo hướng cá nhân hóa.

- Tăng cường theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao chủ trì tại các văn bản, chỉ đạo về chuyển đổi số; kịp thời báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

- Theo dõi, đôn đốc các đơn vị, địa phương sử dụng hiệu quả các phần mềm dùng chung; phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh tham mưu thúc đẩy nâng cao hiệu quả cung cấp DVCTT *(bao gồm tỷ lệ cung cấp và tỷ lệ hồ sơ trực tuyến)*.

- Hướng dẫn các đơn vị, địa phương xây dựng báo cáo tình hình thực hiện công tác chuyển đổi số hàng quý; thực hiện đánh giá chỉ số chuyển đổi số các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn hàng quý.

- Tham mưu Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số ban hành kế hoạch hoạt động năm 2024 sau khi có kế hoạch của Uỷ ban Quốc gia về chuyển đổi số.

Trên đây là Báo cáo kết quả chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn Quý I/2024 của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);- UBND tỉnh;- Cục thuế tỉnh;- Tỉnh Đoàn Bắc Kạn;- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;- UBND các huyện, thành phố;- Sở Thông tin và Truyền thông;- CVP;- Lưu: VT, NhungVX | **TM. BAN CHỈ ĐẠO****TRƯỞNG BAN****Nguyễn Đăng Bình** |

**PHỤ LỤC**

## KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHUYỂN ĐỔI SỐ QUÝ I/2024

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-BCĐ ngày / /2024 của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn)*

| **STT** | **Chỉ tiêu chiến lược Chính phủ số** | **Chỉ tiêu năm 2024** | **Kết quả Quý I/2024** *(tính đến ngày 10/3/2024)* | **Số liệu tuyệt đối** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Chính quyền số** |   |  |  |   |
| 1.1 | Tỷ lệ cung cấp DVCTT được cung cấp thành DVCTT toàn trình | >=80% | 100% | 1.013/1.013 | Số lượng DVCTT toàn trình/Tổng số DVCTT |
| 1.2 | Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ trực tuyến trên tổng số dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ | 90% | 98.7% | 76/77 | Số lượng DVCTT phát sinh hồ sơ trực tuyến/Tổng số DVCTT phát sinh hồ sơ |
| 1.3 | Tỷ lệ hồ sơ phát sinh trực tuyến toàn trình trên tổng số hồ sơ phát sinh của các DVCTT | 100% | 93,1% | 13.433/14.433 | Số lượng hồ sơ phát sinh trực tuyến toàn trình/Tổng số hồ sơ phát sinh (trực tuyến + trực tiếp) của các DVCTT toàn trình |
| Tỷ lệ hồ sơ phát sinh trực tuyến một phần trên tổng số hồ sơ phát sinh của các DVCTT | 80% | 60,7% | 6.192/10.195  | Số lượng hồ sơ phát sinh trực tuyến một phần/Tổng số hồ sơ phát sinh (trực tuyến + trực tiếp) của các DVCTT một phấn |
| 1.4 | Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó theo thỏa thuận, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ | 30% | Đang triển khai thực hiện |  | Số lượng DVCTT được thiết kế, thiết kế lại/Số lượng DVCTT |
| 1.5 | Tỷ lệ cơ quan nhà nước cấp bộ, tỉnh tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số | 80% | Chưa thực hiện *(do tỉnh đang xây dựng LGSP, Kho dữ liệu và Cổng dữ liệu mở của tỉnh)* |  | Số lượng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số/Tổng số cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh |
| 1.6 | Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật *(cấp tỉnh, huyện, xã)* | 100% | 100% |  | Số lượng văn bản gửi đi được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng/Tổng số văn bản đi của đơn vị *(trừ văn bản mật)* |
| 1.7 | Tỷ lệ công tác báo cáo được thực hiện trên Hệ thống báo cáo của tỉnh và kết nối với hệ thống thông tin báo cáo quốc gia, Trung tâm điều hành thông minh | 100% | 100% |  |   |
| 1.8 | Tỷ lệ hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý | 20% | Sở TTTT đang nghiên cứu để hướng dẫn thực hiện, thống kê số liệu |  |  |
| 1.9 | Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản | 80% | Chưa có số liệu |  | Số lượng cán bộ, công chức, viên chức các sở, ban, ngành, UBND các cấp được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản/Tổng số cán bộ, công chức, viên chức các sở, ban, ngành, UBND các cấp của tỉnh  |
| 1.10 | Tỷ lệ cuộc họp của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể (trừ các cuộc họp mật) được tổ chức trực tuyến | 80% |  |  | Trong quý I: Đã có 10 cuộc họp trực tuyến được thực hiện qua hệ thống.  |
| **2** | **Kinh tế số** |   |  |  |   |
| 2.1 | Tỷ trọng kinh tế số trên GRDP | 11% | Chưa có số liệu  |  | Theo Tổng cục Thống kê: Ước tính tỷ trọng giá trị tăng thêm của KTS trong GRDP năm 2023 của tỉnh Bắc Kạn: 8,05%. |
| 2.2 | Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ | 5% | Chưa có số liệu |  |  |
| 2.3 | Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số  | >30% | Chưa có số liệu |  |   |
| **3** | **Xã hội số** |  |  |  |  |
| 3.1 | Tỷ lệ phủ của hạ tầng mạng băng rộng cáp quang tại các hộ gia đình | 76%  | 75% |  |  Số hộ gia đình sử dụng mạng băng rộng cáp quang/Tổng số hộ gia đình trên địa bàn |
| 3.2 | Tỷ lệ thuê bao di động sử dụng điện thoại thông minh | 85% | 84,1% |  | Tỷ lệ người dùng smartphone/người dùng điện thoại di động |
| 3.3 | Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử | 60% | 58,3% | 160.415/275.200  | Tổng số công dân cư trú trên địa bàn tỉnh (thường trú + tạm trú) có tài khoản định danh điện tử/Tổng số công dân cư trú trên địa bàn tỉnh (thường trú + tạm trú) từ đủ 14 tuổi trở lên. |
| 3.4 | Tỷ lệ người dân có hồ sơ số về sức khỏe cá nhân | 98% | 98% |  | Số người dân được tạo lập hồ sơ sức khoẻ điện tử. |
| 3.5  | Tỷ lệ bệnh viện, trung tâm y tế công triển khai hồ sơ bệnh án điện tử | 20% | 0 |  |  |
| 3.6 | Tỷ lệ học sinh, sinh viên có hồ sơ số về việc học tập cá nhân | 90% | 100%*(chưa bao gồm số liệu của trường Cao đẳng Bắc Kạn)* |  | 100% học sinh có hồ sơ số kết quả kiểm tra, đánh giá học tập theo chương trình giáo dục. |
| **4** | **Đảm bảo An toàn thông tin mạng** |  |  |  |  |
| 4.1 | Tỷ lệ các trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh được đánh giá an toàn thông tin và gán nhãn tín nhiệm mạng | 100% | Chưa có số liệu cụ thể |  | Một số đơn vị nâng cấp/thay đổi trang, cổng TTĐT nên chưa gán lại nhãn tín nhiệm mạng. Sở TTTT đã có văn bản đôn đốc. |
| 4.2 | Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin | 100% | 80% |  |  |

1. Gồm: Dịch vụ công thiết yếu của ngành TNMT phục vụ Đề án 06 (Bộ Tài nguyên và Môi trường); CSDL quốc gia về bảo hiểm (BHXH Việt Nam); Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (Bộ Tài chính); CSDL đất đai quốc gia (Bộ Tài nguyên và Môi trường); CSDL quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp); Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam (Bộ Thông tin và Truyền thông); Liên thông TNMT-Thuế (Bộ Tài nguyên và Môi trường). [↑](#footnote-ref-1)